

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2020

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Văn Hoàng;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ngân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc “ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 2, Khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ 2, Khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị Đ và anh Đ có đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Chị Trần Thị Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và Anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau vào năm 1992, không đăng ký kết hôn. Do cuộc sống gia đình gặp nhiều khó khăn, vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên cãi vã nhau, nguyên nhân chính do anh Đ thường xuyên uống rượu say về chửi bới trong gia đình, gây áp lực cho chị trong cuộc sống. Nay chị nhận thấy không thể kéo dài tình trạng hôn với anh Đ, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh năm 1993 và Nguyễn Tuấn P, sinh năm 2001. Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Đ xác định không có.

*Bị đơn – Anh Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Đ thống nhất với lời trình bày của Chị Đ về thời gian vợ chồng chung sống và không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, anh thừa nhận thỉnh thoảng có uống rượu về và lớn tiếng với Chị Đ nên Chị Đ làm đơn ly hôn với anh. Anh xác định anh còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như Chị Đ trình bày. Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Đ xác định không có.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Trần Thị Đ, không công nhận Chị Trần Thị Đ và Anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

\* Về tố tụng:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn có nơi cư trú tại: Tổ 2, Khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[3] Chị Trần Thị Đ và Anh Nguyễn Văn Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238

của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị Đ và anh Đ.

**\* Về nội dung:**

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Đ và Anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau vào năm 1992, không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa Chị Đ và anh Đ không có giá trị pháp lý. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Đ và anh Đ.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị Đ và Anh Nguyễn Văn Đ có 02 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh năm 1993 và Nguyễn Tuấn P, sinh năm 2001. Các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Đ và Anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị Trần Thị Đ và Anh Nguyễn Văn Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, xét thấy: Đây là đề nghị có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Trần Thị Đ và Anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Đ và Anh Nguyễn Văn Đ có 02 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh năm 1993 và Nguyễn Tuấn P, sinh năm 2001. Các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Đ và Anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0006870 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị Đ đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- P.KTNV – TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngọc Phượng**